HIỆP ĐỊNH

TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VÀ PHÁP LÝ VỀ CÁC VẤN ĐỀ DÂN SỰ VÀ HÌNH SỰ GIỮA CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ LIÊN BANG NGA

(trích)

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên bang Nga (sau đây gọi là các Bên ký kết).

Với lòng mong muốn phát triển hơn nữa quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa hai Nhà nước,

Cũng như tăng cường và hoàn thiện sự hợp tác lẫn nhau trong lĩnh vực tương trợ tư pháp và pháp lý,

Đã thoả thuận những điều dưới đây:

Phần thứ nhất

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Bảo vệ pháp lý

1. Công dân của Bên ký kết này được hưởng trên lãnh thổ của Bên ký kết kia sự bảo vệ pháp lý đối với nhân thân và tài sản như công dân của Bên ký kết kia.

2. Công dân của Bên ký kết này có quyền liên hệ không bị cản trở với Cơ quan tư pháp có thẩm quyền về các vấn đề dân sự và hình sự của Bên ký kết kia: tại Cơ quan tư pháp này họ có quyền bày tỏ ý kiến, khởi kiện, yêu cầu khởi tố vụ án và thực hiện những hành vi tố tụng khác theo cùng những điều kiện mà Bên ký kết kia dành cho công dân nước mình.

3. Những quy định của Hiệp định này liên quan đến công dân của các Bên ký kết cũng được áp dụng tương ứng đối với các pháp nhân được thành lập theo pháp luật của một trong các Bên ký kết.

4. Trong Hiệp định này khái niệm "Các vấn đề dân sự" được hiểu bao gồm cả các vấn đề thương mại, hôn nhân, gia đình và lao động.

Điều 2. Tương trợ tư pháp

Cơ quan tư pháp và các cơ quan khác có thẩm quyền về các vấn đề dân sự và hình sự của các Bên ký kết sẽ tương trợ nhau trong việc giải quyết các vấn đề này.

Trong Hiệp định này khái niệm "Cơ quan tư pháp" được hiểu là các toà án, viện kiểm sát và các cơ quan khác có thẩm quyền về các vấn đề dân sự và hình sự theo pháp luật của Bên ký kết nơi cơ quan này có trụ sở.

Điều 3. Cách thức liên hệ

1. Về các vấn đề do Hiệp định này điều chỉnh, cơ quan tư pháp liên hệ với nhau qua cơ quan trung ương.

2. Nhằm mục đích thực hiện Hiệp định này, Cơ quan trung ương về phía Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Bộ Tư pháp Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Viện kiểm sát nhân dân tối cao Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; về phía Liên bang Nga là Bộ Tư pháp Liên bang Nga và Tổng Viện Kiểm sát Liên bang Nga.

3. Các cơ quan khác của các Bên ký kết có thẩm quyền về các vấn đề dân sự và hình sự

liên hệ với nhau về tương trợ tư pháp phải thông qua Cơ quan tư pháp. Những uỷ thác tư pháp này được chuyển thông qua Cơ quan trung ương.

4. Các cơ quan trung ương có thể thoả thuận những vấn đề cụ thể mà Cơ quan tư pháp của các Bên ký kết có thể được liên hệ trực tiếp với nhau.

Điều 4. Ngôn ngữ

1. Yêu cầu tương trợ tư pháp được lập bằng ngôn ngữ của Bên ký kết yêu cầu, kèm theo bản dịch ra ngôn ngữ của Bên ký kết được yêu cầu hoặc tiếng Anh.

2. Nếu theo quy định của Hiệp định này, yêu cầu tương trợ tư pháp và giấy tờ kèm theo phải được gửi kèm theo bản dịch ra ngôn ngữ của Bên ký kết kia hoặc ra tiếng Anh, thì các bản dịch này phải được chứng thực một cách hợp thức.

Điều 5. Phạm vi tương trợ tư pháp

Các Bên ký kết thực hiện tương trợ tư pháp cho nhau bằng cách tiến hành các hành vi tố tụng riêng biệt được pháp luật của Bên ký kết được yêu cầu quy định, như lập, gửi và tống đạt giấy tờ, công nhận và thi hành quyết định của Toà án về các vấn đề dân sự, tiến hành khám xét, thu giữ và chuyển giao vật chứng, tiến hành giám định, lấy lời khai của các bên, người làm chứng, người giám định, người bị xác định đã thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo và những người khác, tiến hành truy tố hình sự, dẫn độ để truy tố hình sự hoặc để thi hành bản án.

Điều 6. Nội dung và hình thức của yêu cầu tương trợ tư pháp

1. Văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp phải có các nội dung sau đây:

1) Tên cơ quan yêu cầu;

2) Tên cơ quan được yêu cầu;

3) Tên vụ việc uỷ thác;

4) Họ tên các bên đương sự, người bị xác định đã thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo hoặc người bị kết án, nơi thường trú hoặc tạm trú, quốc tịch, nghề nghiệp của họ; đối với vụ án hình sự, nếu có thể thì cả nơi sinh, ngày sinh và họ tên của cha mẹ họ; đối với pháp nhân thì ghi rõ tên và trụ sở;

5) Họ tên và địa chỉ của người đại diện của những người nói tại điểm 4 khoản này;

6) Nội dung uỷ thác và các dữ liệu cần thiết cho việc thi hành uỷ thác, trong đó có họ tên và địa chỉ của người làm chứng, ngày sinh và nơi sinh của họ, nếu có;

7) Riêng đối với vụ án hình sự còn phải miêu tả cả tội phạm đã thực hiện và nêu tội danh.

2. Văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp phải có chữ ký và đóng dấu chính thức của cơ quan yêu cầu.

3. Các Bên ký kết có thể sử dụng các mẫu giấy tờ in sẵn bằng ngôn ngữ của các Bên để thực hiện tương trợ tư pháp.

Điều 7. Thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp

1. Khi thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp, cơ quan được yêu cầu áp dụng pháp luật của nước mình. Theo đề nghị của cơ quan yêu cầu, cơ quan được yêu cầu có thể áp dụng các quy phạm tố tụng của Bên ký kết yêu cầu, nếu các quy phạm đó không trái pháp luật của Bên ký kết được yêu cầu.

2. Nếu cơ quan được yêu cầu không có thẩm quyền thực hiện uỷ thác, cơ quan này sẽ chuyển yêu cầu tương trợ tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền, đồng thời thông báo cho cơ quan yêu cầu biết.

3. Theo đề nghị của cơ quan yêu cầu, cơ quan được yêu cầu thông báo kịp thời cho cơ quan yêu cầu và các bên đương sự biết về thời gian và địa điểm thực hiện uỷ thác.

4. Nếu không rõ địa chỉ của người liên quan đến yêu cầu tương trợ tư pháp, cơ quan được yêu cầu sẽ tiến hành mọi biện pháp cần thiết để tìm ra địa chỉ đúng của người đó.

5. Sau khi thực hiện uỷ thác, cơ quan được yêu cầu chuyển giấy tờ thực hiện uỷ thác cho cơ quan yêu cầu. Nếu không thể thực hiện được yêu cầu tương trợ tư pháp, cơ quan được yêu cầu sẽ gửi trả lại hồ sơ cho cơ quan yêu cầu, đồng thời thông báo lý do không thực hiện được.

Điều 8. Triệu tập người làm chứng hoặc người giám định

1. Trong quá trình điều tra hoặc xét xử trên lãnh thổ của một trong các Bên ký kết, nếu cần phải triệu tập người làm chứng hoặc người giám định trên lãnh thổ của Bên ký kết kia, thì phải liên hệ với Cơ quan tư pháp hữu quan của Bên ký kết đó để yêu cầu thực hiện sự tương trợ này.

2. Trong giấy triệu tập người làm chứng hoặc người giám định không được đưa ra chế tài áp dụng đối với họ trong trường hợp họ không có mặt theo giấy triệu tập.

3. Người làm chứng hoặc người giám định, không kể là công dân của nước nào, mà tự nguyện đến cơ quan yêu cầu của Bên ký kết kia theo giấy triệu tập, thì không thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị xử phạt vi phạm hành chính, bị bắt giữ hoặc bị bắt chấp hành hình phạt về bất cứ một hành vi nào được thực hiện trước khi người đó qua biên giới của nước yêu cầu. Những người này cũng không thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị xử phạt vi phạm hành chính, bị bắt giữ hoặc bị bắt chấp hành hình phạt vì những lời khai làm chứng hoặc những kết luận với tư cách là người giám định hoặc liên quan đến hành vi là đối tượng của vụ án.

4. Người làm chứng hoặc người giám định sẽ không được hưởng sự đảm bảo quy định tại khoản 3 Điều này, nếu họ không rời khỏi lãnh thổ của Bên ký kết yêu cầu trong thời hạn 15 ngày, kể từ thời điểm được cơ quan yêu cầu thông báo sự có mặt của họ là không cần thiết nữa. Không tính vào thời hạn này thời gian mà người làm chứng hoặc người giám định không thể rời khỏi lãnh thổ của Bên ký kết yêu cầu vì những nguyên nhân không phụ thuộc vào họ.

5. Người làm chứng hoặc người giám định đến lãnh thổ của Bên ký kết kia theo giấy triệu, có quyền được cơ quan đã triệu tập hoàn lại các khoản chi phí đi đường, lưu trú ở nước ngoài, cũng như khoản tiền lương (thu nhập) không được nhận trong những ngày nghỉ việc. Ngoài ra, người giám định còn được hưởng thù lao giám định. Giấy triệu tập phải ghi rõ các khoản và mức tiền mà những người được triệu tập có quyền được hưởng. Nếu người được triệu tập yêu cầu, Bên ký kết triệu tập sẽ ứng trước một số tiền để thanh toán các khoản chi phí.

Điều 9. Tống đạt giấy tờ

Cơ quan được yêu cầu, căn cứ vào các quy định hiện hành của nước mình, thực hiện việc tống đạt giấy tờ. Giấy tờ cần được tống đạt phải kèm theo bản dịch có chứng thực ra ngôn ngữ của Bên ký kết được yêu cầu hoặc ra tiếng Anh.

Điều 10. Xác nhận việc tống đạt giấy tờ

Việc tống đạt giấy tờ được xác nhận bằng giấy xác nhận tống đạt có chữ ký của người nhận, con dấu chính thức của cơ quan được yêu cầu và ghi rõ ngày tống đạt, chữ ký của viên

chức cơ quan thực hiện việc tống đạt. Việc xác nhận tống đạt giấy tờ cũng có thể được thực hiện bằng một giấy tờ khác, trong đó phải ghi rõ cách thức, địa điểm và thời gian tống đạt.

Điều 11. Chi phí tương trợ tư pháp

1. Mỗi Bên ký kết chịu các chi phí thực hiện tương trợ tư pháp phát sinh trên lãnh thổ nước mình. Nếu Cơ quan trung ương của Bên ký kết được yêu cầu cho rằng việc thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp đòi hỏi các chi phí có tính chất bất thường, thì sẽ thông báo cho Cơ quan trung ương của Bên ký kết yêu cầu biết và trong trường hợp này Cơ quan trung ương của các Bên ký kết sẽ thoả thuận với nhau về chi phí cho việc thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp đó.

2. Cơ quan được yêu cầu thông báo cho cơ quan yêu cầu biết về số chi phí đã phải bỏ ra để thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp. Nếu cơ quan yêu cầu thu được số chi phí này từ đương sự có trách nhiệm phải trả, thì số tiền thu được thuộc về Bên ký kết đã thu.

Điều 12. Cung cấp thông tin

Theo yêu cầu, Cơ quan trung ương của các Bên ký kết cung cấp cho nhau thông tin về pháp luật hiện hành hoặc đã có hiệu lực của nước mình và thông tin về các vấn đề áp dụng pháp luật của Cơ quan tư pháp nước mình.

Điều 13. Chuyển giao đồ vật và tiền

Nếu để thực hiện Hiệp định này mà cần phải chuyển giao đồ vật hoặc tiền từ lãnh thổ của Bên ký kết này sang lãnh thổ của Bên ký kết kia, cũng như cho Cơ quan đại diện ngoại giao hoặc Cơ quan lãnh sự của Bên ký kết kia, thì việc chuyển giao đó được thực hiện phù hợp với pháp luật của Bên ký kết nơi có cơ quan thực hiện việc chuyển giao.

Điều 14. Xác minh địa chỉ và các thông tin khác

1. Theo yêu cầu, Cơ quan tư pháp của các Bên ký kết sẽ hỗ trợ cho nhau trong việc xác minh địa chỉ của những người có mặt trên lãnh thổ của nước mình, trong khuôn khổ thực hiện tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự và hình sự.

2. Nếu Toà án của Bên ký kết này thụ lý vụ kiện đòi một người có mặt trên lãnh thổ của Bên ký kết kia trợ cấp nuôi con yêu cầu, thì tuỳ theo khả năng, Cơ quan tư pháp của Bên ký kết đó sẽ hỗ trợ trong việc xác định nơi làm việc và mức thu nhập của bị đơn.

Điều 15. Công nhận giấy tờ

1. Giấy tờ do Cơ quan tư pháp của Bên ký kết này lập hoặc chứng thực, có chữ ký của người có thẩm quyền và được đóng dấu chính thức, thì được tiếp nhận trên lãnh thổ của Bên ký kết kia mà không cần phải hợp pháp hóa. Quy định này cũng được áp dụng đối với bản dịch và bản trích lục giấy tờ đã được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

2. Giấy tờ được coi là chính thức trên lãnh thổ của Bên ký kết này cũng có giá trị chính thức trên lãnh thổ của Bên ký kết kia.

3. Các quy định của Điều này được áp dụng đối với tất cả các trường hợp xuất trình các giấy tờ kể trên tại lãnh thổ của hai Bên ký kết.

Điều 16. Gửi giấy tờ về hộ tịch và các giấy tờ khác

Theo yêu cầu, các Bên ký kết cam kết sẽ gửi cho nhau, không cần dịch và miễn phí, các giấy chứng nhận về học vấn, thời gian lao động, giấy tờ về hộ tịch và các giấy tờ khác liên quan đến quyền và lợi ích cá nhân của công dân của Bên ký kết kia.

Điều 17. Từ chối tương trợ tư pháp

Việc tương trợ tư pháp có thể bị từ chối, nếu việc thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp có

thể gây phương hại đến chủ quyền, an ninh hoặc những lợi ích quan trọng khác, cũng như trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật hoặc các cam kết quốc tế của Bên ký kết được yêu cầu.

Phần thứ ba
CÁC VẤN ĐỀ HÌNH SỰ

Chương I
TIẾN HÀNH TRUY TỐ HÌNH SỰ

Điều 58. Nghĩa vụ tiến hành truy tố hình sự

1. Mỗi Bên ký kết cam kết, theo yêu cầu của Bên ký kết kia, tiến hành việc truy tố hình sự theo pháp luật của nước mình công dân của mình và những người khác thường trú trên lãnh thổ của nước mình, bị xác định là đã thực hiện hành vi phạm tội trên lãnh thổ của Bên ký kết đó.

2. Các Bên ký kết cũng có thể yêu cầu tiến hành xử lý đối với những hành vi vi phạm pháp luật, mà theo pháp luật của Bên ký kết yêu cầu là tội phạm, còn theo pháp luật của Bên ký kết được yêu cầu chỉ là vi phạm hành chính.

3. Nếu hành vi bị truy tố hình sự có kèm theo yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại và việc đòi bồi thường thiệt hại đã được khởi kiện, thì trách nhiệm bồi thường thiệt hại được xem xét cùng với vụ án hình sự.

4. Mỗi Bên ký kết cam kết, theo yêu cầu của Bên ký kết kia, tiếp nhận và xem xét theo pháp luật nước mình các hồ sơ vụ án liên quan đến công dân của nước mình hoặc đến những người thường trú trên lãnh thổ của nước mình bị xác định là đã thực hiện hành vi phạm tội trên lãnh thổ của Bên ký kết kia, nhưng chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự.

Điều 59. Yêu cầu truy tố hình sự

1. Văn bản yêu cầu truy tố hình sự cần có các nội dung sau đây:

1) Tên cơ quan yêu cầu;

2) Họ tên, quốc tịch, nơi thường trú hoặc tạm trú của người bị xác định đã thực hiện hành vi phạm tội và các thông tin đầy đủ nhất có thể có về nhân thân của người đó;

3) Mô tả hành vi phạm tội được yêu cầu truy tố hình sự và tội danh, đồng thời phải chỉ rõ hậu quả và thiệt hại mà hành vi phạm tội đã gây ra.

2. Kèm theo văn bản yêu cầu phải có các giấy tờ sau đây:

1) Văn bản quy phạm pháp luật hình sự và trong trường hợp cần thiết thì cả văn bản quy phạm pháp luật khác của Bên ký kết yêu cầu mà có ý nghĩa quan trọng đối với việc truy tố hình sự;

2) Hồ sơ vụ án hoặc bản sao có chứng thực hồ sơ đó, cũng như các chứng cứ;

3) Yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại và, nếu có thể, thì cả số liệu về mức độ thiệt hại;

4) Đơn yêu cầu khởi tố của người bị hại, nếu pháp luật của Bên ký kết được yêu đòi hỏi điều này.

Điều 60. Thông báo về kết quả truy tố hình sự

Bên ký kết được yêu cầu cần thông báo cho Bên ký kết yêu cầu biết quyết định cuối cùng của mình về vụ án; theo yêu cầu của Bên ký kết yêu cầu, thì phải gửi cả bản sao quyết định

(bản án) đó.

Điều 61. Hậu quả chấp nhận tiến hành truy tố hình sự

Sau khi Bên ký kết được yêu cầu chấp nhận tiến hành truy tố hình sự, cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết yêu cầu không thể xét xử người này về chính hành vi phạm tội đó nữa, trừ trường hợp trong văn bản yêu cầu truy tố hình sự Bên ký kết yêu cầu đã bảo lưu rằng, Bên đó có thể khôi phục lại tố tụng, nếu Bên ký kết được yêu cầu từ chối hoặc đình chỉ việc truy tố hình sự người ấy.

Chương III

CÁC QUY ĐỊNH RIÊNG LIÊN QUAN ĐẾN TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ CÁC VẤN ĐỀ HÌNH SỰ

Điều 78. Chuyển giao tạm thời người bị phạt tù

1. Nếu cần thiết phải lấy lời khai của người bị phạt tù trên lãnh thổ của Bên ký kết được yêu cầu với tư cách là người làm chứng, thì cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết đó cho phép dẫn giải người đó sang lãnh thổ của Bên ký kết yêu cầu. Người này vẫn sẽ bị giam giữ và sẽ được trả lại ngay sau khi lấy xong lời khai.

2. Trong trường hợp cần thiết phải lấy lời khai của người bị phạt tù trên lãnh thổ của nước thứ ba, cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết được yêu cầu sẽ cho phép vận chuyển quá cảnh người đó qua lãnh thổ của nước mình.

Điều 79. Chuyển giao vật chứng

1. Theo yêu cầu, cơ quan có thẩm quyền của các Bên ký kết có nghĩa vụ chuyển giao cho nhau các vật chứng được dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội; các vật là đối tượng của tội phạm hoặc có được bằng cách trao đổi hay được trả công do phạm tội; các vật chứng khác có giá trị chứng minh tội phạm trong vụ án đang được xét xử trên lãnh thổ của Bên ký kết yêu cầu.

Tiền và các giấy tờ có giá cũng được coi là vật chứng.

2. Bên ký kết được yêu cầu có thể tạm hoãn việc chuyển giao vật chứng hoặc chỉ chuyển giao tạm thời chúng, nếu các vật chứng này cần cho vụ án khác.

3. Quyền của người thứ ba đối với các vật chứng đã được chuyển giao cho Bên ký kết kia được bảo đảm hoàn toàn. Sau khi kết thúc tố tụng hình sự các vật chứng này sẽ được trả lại cho Bên ký kết đã chuyển giao hoặc nếu được Bên đồng ý, thì sẽ trả lại trực tiếp cho những người có quyền nhận các vật chứng đó.

4. Không áp dụng các quy định của pháp luật của các Bên ký kết về hạn chế nhập và xuất khẩu hàng hoá đối với việc chuyển giao vật chứng theo quy định tại Điều này.

5. Trong trường hợp đã có sự đồng ý về dẫn độ người để truy tố hình sự thì, nếu có thể, các vật chứng cũng được chuyển giao đồng thời với người đó. Việc chuyển giao vật chứng vẫn được thực hiện trong trường hợp việc dẫn độ không thể thực hiện được, mặc dù đã đạt được thoả thuận, do người đó đã chết hoặc trốn thoát.

Điều 80. Sự có mặt của đại diện các Bên ký kết khi thực hiện tương trợ tư pháp

Đại diện của Bên ký kết này có thể, với sự đồng ý của Cơ quan trung ương của Bên ký kết kia, có mặt trên lãnh thổ của Bên ký kết đó khi thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp theo những điều kiện mà pháp luật của Bên ký kết được yêu cầu cho phép.

Điều 81. Thông báo bản án và các thông tin khác

1. Các Bên ký kết thông báo cho nhau về các bản án đã có hiệu lực pháp luật do Toà án của Bên ký kết này tuyên đối với công dân của Bên ký kết kia.

2. Theo yêu cầu chính đáng, các Bên ký kết thông báo cho nhau về án tích và các bản án đã có hiệu lực pháp luật do Toà án của Bên ký kết này tuyên đối với những người không phải là công dân của Bên ký kết yêu cầu, nếu họ đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trên lãnh thổ của Bên ký kết yêu cầu.

3. Theo yêu cầu và khả năng, các Bên ký kết chuyển giao cho nhau dấu vân tay của những người nói tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 82. Thông tin về án tích

Theo yêu cầu chính đáng phù hợp với mục đích truy tố hình sự, các Bên ký kết chuyển giao cho nhau thông tin về án tích liên quan đến công dân của Bên ký kết kia, cũng như thông tin về những quyết định mới nhất theo các bản án đó, nếu những thông tin này được đưa vào thống kê theo pháp luật của Bên ký kết được yêu cầu.

Điều 83. Sử dụng thông tin được chuyển giao

Các thông tin được chuyển giao theo quy định tại Điều 81 và Điều 82 của Hiệp định này chỉ có thể được sử dụng vào những mục đích mà chúng đã được chuyển giao và không được chuyển giao chúng cho nước thứ ba, nếu không có sự đồng ý của Bên ký kết đã chuyển giao.

Phần thứ tư
ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 84

Hiệp định này không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các Bên ký kết theo các điều ước quốc tế khác mà họ ký kết hoặc tham gia.

Điều 85

Các Bên ký kết sẽ đảm bảo thường xuyên trao đổi ý kiến về qúa trình thực hiện Hiệp định này trong khuôn khổ các cơ chế hợp tác hiện hành giữa hai Bên.

Điều 86

Những bất đồng có thể phát sinh trong việc giải thích hoặc áp dụng các điều khoản của Hiệp định này sẽ được giải quyết bằng cách tư vấn lẫn nhau.

Điều 87

Hiệp định này cần được phê chuẩn và sẽ có hiệu lực sau 30 ngày, kể từ ngày trao đổi văn kiện phê chuẩn. Việc trao đổi văn kiện phê chuẩn được tiến hành tại....

Kể từ thời điểm Hiệp định này có hiệu lực, Hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô Viết ký ngày 10 tháng 12 năm 1981 sẽ hết hiệu lực đối với Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên bang Nga.

Điều 88

Hiệp định này có giá trị vô thời hạn và sẽ có hiệu lực cho đến khi không có Bên ký kết nào thông báo bằng văn bản cho Bên ký kết kia ý định chấm dứt hiệu lực của Hiệp định. Trong trường hợp có thông báo như vậy thì Hiệp định này sẽ chấm dứt hiệu lực sau 6 tháng,

kể từ ngày thông báo.

Làm tại Moskva ngày 25 tháng 8 năm 1998 thành hai bản mỗi bản bằng tiếng Việt và tiếng Nga, cả hai văn bản đều có giá trị như nhau.